

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST

Ngày 09-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất, ông Nguyễn Văn Môn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/HSST-QĐ ngày 24/02/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Yên C1**, sinh năm 1983 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị N, sinh năm: 1953; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là thứ 2; Bị cáo có vợ là Phí Thị H, sinh năm 1985 và 2 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009).

- Tiền án:

+ Bản án số 201/2011/HSST ngày 23/9/2011, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy” (bị cáo chưa chấp hành khoản tiền phạt bổ sung 5.000.000 đồng).

+ Bản án số 70/2017/HSST ngày 06/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 27/4/2019.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 11/6/2014 bị Công an phường T, thành phố B xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Bản án số 02/2020/HSST ngày 07/01/2020, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ tên: **Trần Văn C**, sinh năm 1978 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn Q, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1953; Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là thứ 2; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 và 3 con (con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2008).

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến ngày 20/01/2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại.

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại:

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hg Nguyễn V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Anh Ong Thế K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Anh Trần Văn K1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Làn 2, chợ M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 448, đường 2B, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/7/2019, Trần Văn C, sinh năm 1978 ở thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng

(C không rõ nhớ biển số xe) chở theo sau là Nguyễn Yên C, sinh năm 1983 ở thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đi từ huyện V về huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Khi đi đến đoạn đường tỉnh 2B, thuộc địa bàn xã T, thành phố B, C và C1 nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen biển số 98Y4-XXX của anh Trần Văn H, sinh năm 1978 ở số 448, đường 2B, thuộc xã T, thành phố B dựng trước cổng nhà, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Sau khi quan sát xung quanh, C1 bảo C đỗ lại để C1 vào trộm cắp chiếc xe máy của anh H. C đồng ý đứng ngoài cảnh giới còn C1 đi đến gần chiếc xe của anh H dùng tay mở khóa điện, nổ máy và điều khiển xe bỏ chạy về hướng huyện Y, tỉnh Bắc Giang. C cũng điều khiển xe đi theo phía sau. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày 06/7/2019, C1 và C cùng đi đến nhà Hoàng Nguyên V, sinh năm 1987 ở thôn D, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là bạn quen biết ngoài xã hội với C1. Khi gặp nhau, C1 có hỏi anh V xem có chỗ nào cầm cố xe máy, anh V đồng ý đưa C đến hiệu cầm đồ KT của anh Ong Thế K, sinh năm 1985 ở tiểu khu 4, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tại đây C đặt vấn đề cầm cố chiếc xe 98Y4-XXX. Anh K kiểm tra thấy không có đăng ký xe nên chỉ đồng ý cho C vay số tiền 3.000.000 đồng và giữ lại chiếc xe 98Y4-XXX làm tin. C có viết và ký tên vào một giấy “Biên nhận vay tiền” mang tên Trần Văn C. Anh K đưa cho C số tiền là 2.800.000 đồng (đã trừ lãi trước 200.000 đồng). Số tiền có được, C đưa lại cho C1 2.800.000 đồng, C1 đưa cho V 200.000 đồng còn lại đã cùng ăn tiêu hết.

Ngày 29/7/2019, Công an huyện Y kiểm tra cơ sở kinh doanh cầm đồ của anh Ong Thế K đã phát hiện thu giữ chiếc xe 98Y4-XXX.

Đến ngày 04/8/2019, Nguyễn Yên C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang giữ khẩn cấp về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 02/8/2019 trên địa bàn huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tại Cơ quan điều tra, C1 khai nhận về hành vi trộm cắp chiếc xe 98Y4-XXX trên địa bàn xã T, thành phố B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã bàn giao chiếc xe 98Y4-XXX và tài liệu liên quan đến hành vi của Nguyễn Yên C cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 20/9/2019, anh Ong Thế K đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B 01 giấy biên nhận vay tiền, bên vay là Trần Văn C, ngày vay là 06/7/2019 (ký hiệu giám định A).

Ngày 04/10/2019, Trần Văn C đến Công an thành phố B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 14/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký trên giấy “Biên nhận vay tiền” mang tên Trần Văn C. Tại kết luận giám định số 1659/KL- KTHS ngày 22/10/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết

mang tên Trần Văn C trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A- trừ chữ ký, chữ viết mang tên Ong Thế K tại mục “Đại diện bên cho vay”) so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn C trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký, viết ra.

Tại kết luận định giá tài sản số 140/KL- HĐĐG ngày 27/9/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 98Y4- XXX, màu sơn đen xám, số khung: 134723, số máy 1379026, đã qua sử dụng, có giá trị là 4.500.000 đồng.

Ngày 30/12/2019, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Trần Văn H chiếc xe nêu trên, đến nay anh H không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Yên C tại địa bàn huyện Y đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y khởi tố điều tra trong vụ án khác.

Đối với anh Hg Nguyên V là người đưa C đi cầm cố xe nhưng không biết đó là chiếc xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đối với anh Ong Thế K là người nhận giữ xe 98Y4-XXX và cho C vay tiền nhưng Anh K không biết đó là chiếc xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đến nay, Anh K không yêu cầu Trần Văn C bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 20/KSĐT ngày 20 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Yên C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Yên C và Trần Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Yên C từ 30 tháng tù đến 33 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 02/2020/HSST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo C1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 60 tháng tù đến 63 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã Yên Lư, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, thuộc hộ cận nghèo nên cần miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/7/2019, tại khu vực trước cửa nhà anh Trần Văn H, sinh năm 1978 ở số 448, đường 2B, thuộc xã T, thành phố B, Nguyễn Yên C và Trần Văn C đã cùng nhau có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen biển số: 98Y4-XXX trị giá 4.500.000 đồng của anh Trần Văn H.

[2.2] Hành vi của bị cáo Trần Văn C đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Yên C: bị cáo có hai tiền án (đã tái phạm) là Bản án số 201/2011/HSST ngày 23/9/2011, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy” (bị cáo chưa chấp hành khoản tiền phạt bổ sung 5.000.000 đồng) và Bản án số 70/2017/HSST ngày 06/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 27/4/2019, nay lại tiếp tục phạm tội nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo C1 đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g

khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

[3.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an xã hội và hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Do đó, cần xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo giáo dục các bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[3.2] Các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, không có kế hoạch sẽ trộm cắp tài sản của ai, ở đâu, tiêu thụ thế nào nên đây là đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo C1 là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và trực tiếp liên hệ với Hoàng Nguyên V nhờ đưa đi tiêu thụ tài sản trộm cắp nên có vai trò cao hơn. Bị cáo C cảnh giới cho bị cáo C1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mang tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ nên đóng vai trò thấp hơn bị cáo C1. Do vậy, cần có hình phạt phù hợp với tính chất hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Yên C có bố đẻ là Nguyễn Thanh M là thương binh và được tặng thưởng Huân chương C công hạng nhất và Huy chương kháng C hạng nhì nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Trần Văn C tự nguyện ra đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo C1 có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xét hình sự nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật. Do đó, cần xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù giam mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật

[6] Bị cáo C có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, tỏ ra rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và đều thuộc hộ cận nghèo nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với Hoàng Nguyên V là người đưa C đi cầm cố chiếc xe Honda Wave S, biển kiểm soát 98Y4- XXX và Ong Thế K là người nhận giữ xe và cho C vay tiền nhưng V và K đều không biết đó là chiếc xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng quy định pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Ong Thế K không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Yên C và Trần Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Yên C 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 02/2020/HSST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo C1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2019.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn C 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo